



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15 Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 33

Y
C
H
V
A
T
I
N
P
H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Cần	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Huy Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Nhấn	Thành viên
Ông Lê Sỹ Len	Thành viên
Ông Dương Văn Hóa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Huy Nam	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Nhấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Sỹ Len	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

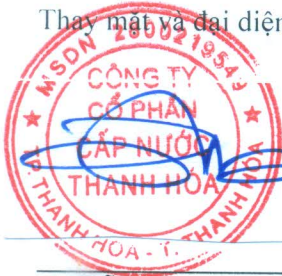
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA
Số 99 Đường Mật Sơn, phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Huy Nam

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 033005/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty thực hiện trích lập trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2017 khi chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo yêu cầu của Điều lệ Công ty. Do đó, chỉ tiêu Quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi tăng lên so với thực tế số tiền tương ứng là 2.885.313.752 đồng và 2.039.883.752 đồng, đồng thời chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 giảm hơn so với thực tế số tiền là 4.079.767.504 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Nguyễn Nam Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Huy Hùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2018-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		152.216.833.429	123.790.545.770
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	28.413.716.834	40.434.036.069
1. Tiền	111		2.813.716.834	2.434.036.069
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.600.000.000	38.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.500.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	25.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.684.389.759	58.412.834.144
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	57.932.631.148	46.303.408.638
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		763.414.480	121.080.745
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	18.450.791.131	16.450.791.761
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(4.462.447.000)	(4.462.447.000)
IV. Hàng tồn kho	140		20.643.765.969	24.598.881.597
1. Hàng tồn kho	141	V.6	20.643.765.969	24.598.881.597
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.974.960.867	344.793.960
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.780.357.396	267.101.216
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12a	194.603.471	77.692.744
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		576.979.498.890	498.850.321.190
I. Tài sản cố định	220		547.245.221.985	490.592.169.510
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	547.234.340.310	490.567.907.839
- Nguyên giá	222		1.075.072.268.796	965.395.796.279
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(527.837.928.486)	(474.827.888.440)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	10.881.675	24.261.671
- Nguyên giá	228		414.621.550	369.021.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(403.739.875)	(344.759.879)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.664.375.559	3.449.080.859
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	21.664.375.559	3.449.080.859
III. Tài sản dài hạn khác	260		8.069.901.346	4.809.070.821
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	8.069.901.346	4.809.070.821
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		729.196.332.319	622.640.866.960

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		386.837.450.911	287.050.551.845
I. Nợ ngắn hạn	310		146.141.430.956	109.436.185.831
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	25.186.956.746	14.866.533.416
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.264.885.230	7.511.484.328
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12b	5.302.546.857	1.389.379.754
4. Phải trả người lao động	314		6.852.231.554	4.723.869.321
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	5.020.950.932	4.814.942.084
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	81.023.702.393	48.202.441.436
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	11.503.741.896	12.523.741.896
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		782.000.000	7.474.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.204.415.348	7.929.793.596
II. Nợ dài hạn	330		240.696.019.955	177.614.366.014
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	240.696.019.955	177.614.366.014
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		342.358.881.408	335.590.315.115
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	342.358.881.408	335.590.315.115
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		329.954.110.000	329.954.110.145
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		329.954.110.000	329.954.110.145
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.885.313.752	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.519.457.656	5.636.204.970
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.519.457.656	5.636.204.970
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		729.196.332.319	622.640.866.960



Đặng Thị Tiệp
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Nam
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	305.272.794.586	183.429.516.556
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	4.429.900
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		305.272.794.586	183.425.086.656
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	227.543.333.960	138.005.753.353
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		77.729.460.626	45.419.333.303
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.765.462.553	1.306.966.427
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.459.455.110	4.452.774.139
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.459.455.110	4.452.774.139
8. Chi phí bán hàng	25		26.792.724.894	14.998.638.169
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		26.587.240.150	20.815.875.933
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.655.503.025	6.459.011.489
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.437.932.918	607.990.890
12. Chi phí khác	32		1.094.404.675	21.746.166
13. Lợi nhuận khác	40		343.528.243	586.244.724
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.999.031.268	7.045.256.213
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	3.399.806.253	1.409.051.243
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.599.225.015	5.636.204.970
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	360	168
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		360	168



Đặng Thị Tiệp
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Nam
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	319.229.591.202	190.403.118.073
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(154.830.722.181)	(96.637.155.032)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(59.236.020.380)	(35.982.076.612)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(10.253.446.262)	(8.640.956.584)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(3.058.119.480)	(1.710.957.451)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	19.583.992.914	13.980.651.204
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(51.583.862.791)	(29.273.837.758)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	59.851.413.022	32.138.785.840
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(105.950.474.997)	(53.918.201.786)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.500.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.326.262.406	19.374.455
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(130.124.212.591)	(53.898.827.331)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	76.275.395.837	53.918.201.786
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.213.741.896)	(15.960.427.781)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.809.173.607)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	58.252.480.334	37.957.774.005
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(12.020.319.235)	16.197.732.514
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	40.434.036.069	24.236.303.555
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	28.413.716.834	40.434.036.069



Đặng Thị Tiệp
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng




Nguyễn Huy Nam
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa và được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 2800219549 (thay đổi lần thứ 6) ngày 27 tháng 5 năm 2016. Theo đó số vốn điều lệ của Công ty là 318.277.000.000 đồng tương ứng với 31.827.700 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu giá trị là: 329.954.110.145 đồng, chênh lệch: 11.677.110.145 đồng so với giá trị vốn chủ sở hữu đã phát hành cổ phiếu. Nguyên nhân là trong kỳ kế toán Công ty nhận bàn giao tài sản của UBND tỉnh Thanh Hóa và ghi tăng phần vốn góp của UBND tỉnh Thanh Hóa đối với các tài sản này.

Nghị quyết số 111/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa đã phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ Công ty (tăng thêm 1.167.711 cổ phần phổ thông, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần) cho cổ đông là UBND tỉnh Thanh Hóa tương ứng với giá trị các tài sản nhận đã nhận bàn giao từ UBND tỉnh Thanh Hóa. Công ty đã được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 5 năm 2017. Theo đó vốn điều lệ của Công ty là: 329.954.110.000 đồng tương ứng với số cổ phần phổ thông là: 32.995.411 cổ phần, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần. Công ty đã thực hiện đầy đủ các bước tăng vốn chủ sở hữu theo quy định.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 726 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 723 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch các đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, quản lý các dự án phát triển cấp nước, các hệ thống cấp nước đô thị;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá, chi tiết: Sản xuất nước sạch;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, thủy lợi quy mô vừa và nhỏ, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35kv. Xây dựng, lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và chất rắn thải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thẩm định, lập dự án, tổng dự toán và dự toán các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, điện động lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35kv. Thiết kế công trình hạ tầng; thiết kế công trình dân dụng, thiết kế kiến trúc công trình. Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng, thủy lợi.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất, kinh doanh nước lọc tinh khiết và các sản phẩm từ nước lọc tinh khiết. Kinh doanh nước sạch, tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chia khóa trao tay. Thiết kế, chế tạo, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, vật tư thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng:

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-50
Máy móc và thiết bị	03-20
Phương tiện vận tải	05-15
Tài sản cố định khác	03-05

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của đơn vị bao gồm phần mềm quản lý, nhãn hiệu hàng hóa. Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc và được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. TSCĐ vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao ước tính 5-10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	821.000.000	500.885.600
Tiền gửi ngân hàng	1.992.716.834	1.933.150.469
Các khoản tương đương tiền (*)	25.600.000.000	38.000.000.000
Cộng	28.413.716.834	40.434.036.069

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Thanh Hóa, chi tiết như sau:

Tài khoản	Số dư VND	Kỳ hạn	Lãi suất
0785000025509	4.000.000.000	3 tháng	4,8%
0785000026428	3.000.000.000	3 tháng	4,7%
0785000028803	600.000.000	1 tháng	4,2%
0785000029237	3.000.000.000	3 tháng	4,7%
0785000029239	2.000.000.000	1 tháng	4,2%
0785000029240	2.000.000.000	1 tháng	4,2%
0785000029656	2.000.000.000	3 tháng	4,7%
0785000029657	2.000.000.000	3 tháng	4,7%
0785000030121	3.000.000.000	3 tháng	4,8%
0785000031005	2.000.000.000	1 tháng	4,2%
0785000031007	2.000.000.000	3 tháng	4,7%
Cộng	25.600.000.000		

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	25.500.000.000	25.500.000.000	-	-
Cộng	25.500.000.000	25.500.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

(*) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa, chi tiết như sau:

Tài khoản	Số dư VND	Kỳ hạn	Lãi suất
0785000027123	3.000.000.000	6 tháng	5,3%
0785000027127	4.500.000.000	6 tháng	5,3%
0785000027129	5.000.000.000	6 tháng	5,3%
0785000027131	3.000.000.000	6 tháng	5,3%
0785000029658	3.000.000.000	6 tháng	5,3%
0785000029659	3.000.000.000	6 tháng	5,3%
0785000030525	4.000.000.000	6 tháng	5,2%
Cộng	25.500.000.000		

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bạch Đằng 16	5.279.424.588	5.479.424.588
Ban QLDA Khu Kinh tế Nghi Sơn	9.033.010.000	13.717.149.000
UBND xã Thiệu Khánh	4.963.587.000	
Các đối tượng khác	38.656.609.560	27.106.835.050
Cộng	57.932.631.148	46.303.408.638

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tạm ứng	596.680.000	5.948.213.238
Phải thu lãi tiết kiệm	1.256.924.137	699.677.390
Phải thu khác	16.597.186.994	9.802.901.133
Cộng	18.450.791.131	16.450.791.761

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. NỢ XẤU**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty CPĐT và PT Bạch đằng 16	5.279.424.588	-	2.739.712.249	5.479.424.588	-	2.739.712.249
- Cấp nước làng cổ Đông sơn	1.722.734.751	-	1.722.734.751	1.722.734.751	-	1.722.734.751
Cộng	7.002.159.339	-	4.462.447.000	7.202.159.339	-	4.462.447.000

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.662.409.929	-	15.589.162.192	-
Công cụ, dụng cụ	625.536.276	-	802.538.449	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.355.819.764	-	8.207.180.956	-
Cộng	20.643.765.969	-	24.598.881.597	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	284.873.355.211	100.502.472.732	578.319.344.743	1.700.623.593	965.395.796.279
Mua trong năm	-	1.308.473.454	13.405.472.377	34.727.273	14.748.673.104
Đầu tư XD CB hoàn thành	8.682.048.743	6.055.067.239	81.219.233.914	-	95.956.349.896
Giảm khác		-	(1.028.550.483)	-	(1.028.550.483)
Tại ngày 31/12/2017	293.555.403.954	107.866.013.425	671.915.500.551	1.735.350.866	1.075.072.268.796
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	129.888.986.876	33.946.867.046	310.005.779.899	986.254.619	474.827.888.440
Khấu hao trong năm	12.537.406.993	9.783.956.182	30.520.025.151	168.651.720	53.010.040.046
Tại ngày 31/12/2017	142.426.393.869	43.730.823.228	340.525.805.050	1.154.906.339	527.837.928.486
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	154.984.368.335	66.555.605.686	268.313.564.844	714.368.974	490.567.907.839
Tại ngày 31/12/2017	151.129.010.085	64.135.190.197	331.389.695.501	580.444.527	547.234.340.310

(*) Giảm khác là do điều chỉnh giảm giá trị lãi vay được vốn hóa của gói thầu GIPI: Cải tạo các tuyến ống trung tâm thuộc Hợp phần 2: Cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước (Dự án phát triển toàn diện kinh tế xã hội thành phố Thanh Hóa) đơn vị đã tạm tăng tài sản năm 2016.

Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 174.178.597.119 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 216.766.509.778 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 16.889.141.672 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm quản lý VND	Giấy phép nhượng quyền VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	310.353.550	58.668.000	369.021.550
Mua trong năm	45.600.000		45.600.000
Tại ngày 31/12/2017	355.953.550	58.668.000	414.621.550
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	286.091.879	58.668.000	344.759.879
Khấu hao trong năm	58.979.996		58.979.996
Tại ngày 31/12/2017	345.071.875	58.668.000	403.739.875
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	24.261.671	-	24.261.671
Tại ngày 31/12/2017	10.881.675	-	10.881.675

Nguyên giá của TSVH bao gồm các TS đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 58.668.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 58.668.000 đồng).

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Xây dựng cơ bản	21.664.375.559	3.414.014.853
- Nhà máy nước Quảng xương công suất 35.000 m3/Ngđ	7.543.384.475	689.068.064
- Tuyến ống truyền tải số 2 Thanh Hoá - Sầm Sơn	5.261.126.750	398.912.500
- Tuyến ống truyền tải cấp nước sinh hoạt xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn	1.438.407.300	-
- Cấp nước xã Định Tân và các vùng phụ cận	6.284.488.847	457.924.000
- Các công trình khác	1.136.968.187	1.868.110.289
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	35.066.006
Cộng	21.664.375.559	3.449.080.859

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Đồng hồ, rắc co đồng hồ	5.286.433.550	4.685.944.186
Thiết bị dụng cụ quản lý	945.158.807	71.381.637
Các loại thiết bị công cụ khác	938.100.000	51.563.533
Sửa chữa TSCĐ	900.208.989	181.465
Cộng	8.069.901.346	4.809.070.821

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Sông Chu	3.672.447.955	3.672.447.955	3.579.455.880	3.579.455.880
CTy TNHH Nga Anh	1.276.216.200	1.276.216.200	1.566.313.000	1.566.313.000
Cty TNHH TM viễn thông Việt Hồng Hà	1.194.270.000	1.194.270.000	-	-
Dự án phát triển toàn diện KTXH-HP2	13.405.472.377	13.405.472.377	4.996.524.786	4.996.524.786
Công ty cổ phần HAWACO	1.849.045.000	1.849.045.000	728.096.600	728.096.600
Các đối tượng khác	3.789.505.214	3.789.505.214	3.996.143.150	3.996.143.150
Cộng	25.186.956.746	25.186.956.746	14.866.533.416	14.866.533.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	167.110.973	18.283.053.760	18.372.471.989	77.692.744
Tiền thuê đất, Thuế sử dụng đất phi NN	26.492.498	-	26.492.498	-
Thuế môn bài	1.000.000	21.000.000	22.000.000	-
Cộng	194.603.471	18.304.053.760	18.420.964.487	77.692.744
b. Các khoản phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	719.806.253	3.399.806.253	3.058.119.480	378.119.480
Thuế Thu nhập cá nhân	-	131.958.643	407.657.743	275.699.100
Thuế tài nguyên	273.576.720	956.990.340	769.767.560	86.353.940
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	271.216.189	273.272.651	2.056.462
Phí BVMT đối với nước thải	4.309.163.884	17.728.355.715	14.066.342.603	647.150.772
Các loại thuế, phí phải nộp khác	-	1.016.592	1.016.592	-
Cộng	5.302.546.857	22.489.343.732	18.576.176.629	1.389.379.754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Lãi vay phải trả ngân hàng phát triển Thanh Hóa (Khoản vay ADB- dự án cấp nước và Vệ sinh Thanh Hóa-Sầm Sơn)	1.619.631.746	1.839.910.860
- Lãi vay phải trả ngân hàng Ngoại thương Thanh Hóa (dự án nhà máy nước Hàm Rồng 35.000m3)	3.401.319.186	2.975.031.224
Cộng	5.020.950.932	4.814.942.084

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	245.223.895	256.314.926
Bảo hiểm xã hội	-	6.912.924
Bảo hiểm y tế	-	1.516.347
Bảo hiểm thất nghiệp	-	505.448
Các khoản phải trả, phải nộp khác	80.778.478.498	47.937.191.791
Cộng	81.023.702.393	48.202.441.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay ngắn hạn

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng Phát triển Thanh hóa - Dự án ADB	4.276.091.896	4.276.091.896	-	-	4.276.091.896	4.276.091.896
- Ngân hàng Phát triển Thanh hóa - Dự án WB	5.657.650.000	5.657.650.000	-	-	5.657.650.000	5.657.650.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - chi nhánh Thanh Hóa - Dự án Nâng công suất nhà máy nước Hàm Rồng lên 35.000 m3	1.570.000.000	1.570.000.000	-	-	2.590.000.000	2.590.000.000
Cộng vay ngắn hạn	11.503.741.896	11.503.741.896	-	-	12.523.741.896	12.523.741.896

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA

Số 99, đường Mật Sơn, phường Đông Vệ

Thành phố Thanh Hóa

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****b. Vay dài hạn**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Phát triển Thanh hóa - Dự án ADB (a)	27.794.597.328	27.794.597.328	-	4.276.091.896	32.070.689.224	32.070.689.224
- Ngân hàng Phát triển Thanh hóa - Dự án WB (b)	70.720.627.900	70.720.627.900	-	5.657.650.000	76.378.277.900	76.378.277.900
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Thanh Hóa -	37.910.939.000	37.910.939.000	14.300.000.000	4.160.000.000	27.770.939.000	27.770.939.000
- Ngân hàng Phát triển Thanh hóa - Dự án Phát	61.166.102.623	61.166.102.623	7.247.900.837	-	53.918.201.786	53.918.201.786
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Thanh Hóa- Dự án (e)	35.980.000.000	35.980.000.000	36.100.000.000	120.000.000	-	-
- Quỹ Đầu Tư PT Thanh Hóa - Dự án (f)	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	-	-	-
- Vốn Ngân sách tỉnh-Tuyến ống gang D400 GIP1 (g)	7.627.495.000	7.627.495.000	7.627.495.000	-	-	-
Cộng	252.199.761.851	252.199.761.851	76.275.395.837	14.213.741.896	190.138.107.910	190.138.107.910
Phân loại sang vay ngắn hạn	11.503.741.896	11.503.741.896			12.523.741.896	12.523.741.896
Vay dài hạn	240.696.019.955	240.696.019.955			177.614.366.014	177.614.366.014

(a) Vay ngân hàng Phát triển Thanh Hóa- dự án ADB để đầu tư dự án Cấp nước và vệ sinh thành phố Thanh Hóa, lãi 4,8%/năm, phí quản lý 0,2%/năm. Gốc và lãi trả làm 36 kỳ trong 18 năm. Lãi và phí trong thời gian ân hạn cũng được trả theo lịch nêu trên.

(b) Vay ngân hàng Phát triển Thanh Hóa dự án của WB theo khế ước nhận nợ khung vay vốn ODA số 401.V179.003 ngày 29/03/2010 giữa Chi nhánh Ngân hàng phát triển Thanh Hóa và Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa số tiền 4.766.052,27 USD, thời gian vay 20 năm, ân hạn 3 năm, lãi suất 3%/năm đã gồm 02,% phí quản lý. Trả nợ gốc và lãi làm 34 kỳ trong 17 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Vay dài hạn (Tiếp theo)

- (c) Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Thanh Hóa theo hợp đồng tín dụng số 8674973/2015.01/HĐTD ngày 12/02/2015 với tổng số tiền là 39.480.939.000 đồng mục đích để đầu tư thực hiện dự án "Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Hàm Rồng công suất 20.000 lên 35.000m³/ngđ". Lãi suất từ 9,5% đến 10,5% năm cố định trong 5 năm đầu tiên từ ngày 12/3/2015. Lãi ân hạn trong thời gian xây dựng là 1.681.075.573 đồng.
- (d) Vay theo hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa để đầu tư dự án Phát triển toàn diện- Kinh tế xã hội TP Thanh Hóa ngày 10/8/2009. Số tiền vay là 8.573.000 USD. Đồng tiền nhận nợ là đồng VN. Thời hạn cho vay 20 năm, trong đó thời gian ân hạn là 6 năm. Gốc và lãi trả làm 28 kỳ trong 14 năm. Lãi suất 3,83%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.
- (e) Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Thanh Hóa theo hợp đồng tín dụng số 8674973/2017.03/VCB ngày 24/02/2017 với tổng số tiền vay là 50.000.000.000đ mục đích để đầu tư thực hiện Dự án "Trạm bơm tăng áp và tuyến ống truyền tải thứ 2 DN400 Thanh Hóa - Sầm Sơn" do Bên vay làm chủ đầu tư, số tiền nhận nợ lần này là 20.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay 15 năm.
- (f) Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Thanh Hóa theo HĐTD số 02/2017/HĐTD-QĐTPT ngày 20/04/2017 với Tổng số tiền vay là 20.000.000.000đ. Số tiền nhận nợ lần này là 11.000.000.000 đ. Thời hạn cho vay 10 năm, trong đó thời gian ân hạn là 6 tháng, Gốc trả làm 40 kỳ (vào ngày 25 đến ngày cuối cùng của tháng cuối kỳ). Lãi trả hàng tháng. Lãi suất 7,5%/năm. Lãi quá hạn 150% lãi trong hạn. Mục đích để đầu tư thực hiện Dự án "Trạm bơm tăng áp và tuyến ống truyền tải thứ 2 DN400 Thanh Hóa - Sầm Sơn"
- (g) Đây là phần vốn đối ứng (vốn ngân sách) hợp phần 2 dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội Thành phố Thanh Hóa, đơn vị hạch toán trên TK 341.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	11.503.741.896	12.523.741.896
Từ hai đến năm thứ năm	46.014.967.584	46.014.967.584
Sau năm năm	194.681.052.371	131.599.398.430
Cộng	252.199.761.851	190.138.107.910
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	11.503.741.896	12.523.741.896
Số phải trả sau 12 tháng	240.696.019.955	177.614.366.014

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA

Số 99, đường Mật Sơn, phường Đông Vệ

Thành phố Thanh Hóa

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2017	329.954.110.145	-	5.636.204.970	335.590.315.115
Lợi nhuận trong năm	-	-	13.599.225.015	13.599.225.015
Điều chỉnh vốn (*)	(145)	-	145	-
Chia cổ tức (**)	-	-	(4.508.964.970)	(4.508.964.970)
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	2.885.313.752	(2.885.313.752)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	(2.321.693.752)	(2.321.693.752)
Số dư tại ngày 31/12/2017	329.954.110.000	2.885.313.752	9.519.457.656	342.358.881.408

(*) Tăng khác lợi nhuận sau thuế, chưa phân phối và giảm khác vốn góp của chủ sở hữu là do điều chỉnh số lẻ khi phát hành cổ phiếu.

(**) Theo Nghị Quyết số 111/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2016 được phân phối như sau: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%): 281.810.000 đồng; Quỹ đầu tư phát triển (15%): 845.430.000 đồng; Số còn lại chia cổ tức: 4.508.964.970 đồng.

(***) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 được Công ty tạm trích quỹ đầu tư phát triển (15%): 2.039.883.752 đồng; Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15%): 2.039.883.752 đồng theo điều lệ Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành ba bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch, bộ phận xây dựng và bộ phận khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

- + Bộ phận sản xuất và cung cấp nước sạch: Sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
- + Bộ phận xây dựng: Xây dựng công trình theo hợp đồng xây dựng
- + Bộ phận khác: Giao khoán kinh doanh khách sạn.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 31/12/2017

Bảng cân đối kế toán

	Sản xuất và cung cấp nước sạch VND	Hoạt động xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	554.009.216.921	62.486.178.948	10.287.375.468	626.782.771.337
Tài sản không phân bổ	-	-	-	102.413.560.982
Tổng tài sản				729.196.332.319
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	259.024.778.500	24.709.294.464	-	283.734.072.964
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	103.103.377.947
Tổng nợ phải trả				386.837.450.911

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017

	Sản xuất và cung cấp nước sạch VND	Hoạt động xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	235.621.275.690	67.163.711.169	2.487.807.727	305.272.794.586
Tổng doanh thu	235.621.275.690	67.163.711.169	2.487.807.727	305.272.794.586
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	161.534.539.145	63.385.087.175	2.623.707.640	227.543.333.960
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	74.086.736.545	3.778.623.994	(135.899.913)	77.729.460.626
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	77.729.460.626
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	2.765.462.553
Lợi nhuận khác	-	-	-	343.528.243
Chi phí tài chính	-	-	-	10.459.455.110
Chi phí bán hàng	-	-	-	26.792.724.894
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	26.587.240.150
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	16.999.031.268
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	3.399.806.253
Lợi nhuận trong kỳ				13.599.225.015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016

Bảng cân đối kế toán

	Sản xuất và cung cấp nước sạch VND	Hoạt động xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	420.455.857.280	64.114.716.661	10.891.174.260	484.570.573.941
Tài sản không phân bổ	-	-	-	138.070.293.019
Tổng tài sản				622.640.866.960
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	205.147.404.896	7.368.720.758	-	212.516.125.654
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	74.534.426.191
Tổng nợ phải trả				287.050.551.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 28/05/2016 đến 31/12/2016

	Hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch VND	Hoạt động lắp đặt ống nước VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	138.260.072.377	42.440.731.250	2.724.283.029	183.425.086.656
Tổng doanh thu	138.260.072.377	42.440.731.250	2.724.283.029	183.425.086.656
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	95.144.998.887	40.569.583.501	2.291.170.965	138.005.753.353
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	43.115.073.490	1.871.147.749	433.112.064	45.419.333.303
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				45.419.333.303
Doanh thu hoạt động tài chính				1.306.966.427
Lợi nhuận khác				586.244.724
Chi phí tài chính				4.452.774.139
Chi phí bán hàng				14.998.638.169
Chi phí quản lý doanh nghiệp				20.815.875.933
Lợi nhuận trước thuế				7.045.256.213
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				1.409.051.243
Lợi nhuận trong kỳ				5.636.204.970

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Số 99 đường Mật Sơn, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc Công ty đều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Doanh thu sản xuất và cung cấp nước sạch	235.621.275.690	138.825.681.077
Doanh thu hoạt động xây dựng	67.163.711.169	42.440.731.250
Doanh thu khác	2.487.807.727	2.724.283.029
Cộng	305.272.794.586	183.990.695.356

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước sạch	161.534.539.145	95.144.998.887
Giá vốn hoạt động xây dựng	63.385.087.175	40.569.583.501
Giá vốn của hoạt động khác	2.623.707.640	2.291.170.965
Cộng	227.543.333.960	138.005.753.353

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.765.462.553	1.306.966.427
Cộng	2.765.462.553	1.306.966.427

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.459.455.110	4.452.774.139
Cộng	10.459.455.110	4.452.774.139

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Các khoản thu nhập khác	1.437.932.918	607.990.890
Cộng	1.437.932.918	607.990.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.999.031.268	7.045.256.213
Thu nhập chịu thuế	16.999.031.268	7.045.256.213
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập	3.399.806.253	1.409.051.243
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.399.806.253	1.409.051.243

7. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.599.225.015	5.636.204.970
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.039.883.752	281.810.249
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.559.341.263	5.354.394.722
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	32.135.846	31.827.700
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	360	168

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	77.700.455.895	52.761.113.773
Chi phí nhân công	96.530.923.420	54.251.678.303
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.069.020.042	28.147.994.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.435.444.381	22.886.634.281
Chi phí khác bằng tiền	12.845.800.579	16.431.460.996
Cộng	277.581.644.317	174.478.881.878

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lương	3.178.778.900	1.248.921.228
Cộng	3.178.778.900	1.248.921.228

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

3. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu được phân loại lại như sau:

Số liệu các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán được phân loại như sau:

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		323.755.796.970	323.755.796.970
I. Nợ ngắn hạn	310		146.141.430.956	158.665.172.852
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	-	12.523.741.896
II. Nợ dài hạn	330		177.614.366.014	165.090.624.118
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	190.138.107.910	177.614.366.014

Số liệu các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh được phân loại lại như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	183.990.695.356	183.429.516.556
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		183.986.265.456	183.425.086.656
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.980.512.103	45.419.333.303
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.020.190.289	6.459.011.489
11 Thu nhập khác	31	VI.5	46.812.090	607.990.890
13 Lợi nhuận khác	40		25.065.924	586.244.724




Đặng Thị Tiệp
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng




Nguyễn Huy Nam
Tổng Giám đốc